TRƯỜNG CNTT VÀ TRUYỀN THÔNG
KHOA MẠNG MÁY TÍNH VÀ TT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾ HOẠCH HỌC TẬP KHÓA 52

Ngành: **Mạng máy tính và Truyền thông dữ liệu (**Computer Networks and Data Communication)
Mã ngành: **7480102**
Hệ đào tạo: Chính quy Thời gian đào tạo: 4,5 năm Danh hiệu: Kỹ sư

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tiết LT	Tiết TH	HP tiên quyết	Ghi chú
Học kỳ 1									
1	QP010E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		37	8		*SV học theo thời khóa biểu của Trường*
2	QP011E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		22	8		
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	2		24	21		
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	2		4	56		
5	CT005	Nền tảng công nghệ số	4	4		30	60		
6	CT100	Kỹ năng học đại học	2	2		20	20		
Cộng			**14**	**14**	**0**				
Học kỳ 2									
1	TC100	Giáo dục thể chất 1 (*)	1		1		30		
2	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3		45			
3	CT101	Lập trình căn bản A	4	4		30	60		
4	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4		4	60			
	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4			60			
Cộng			**12**	**7**	**5**				
Học kỳ 3									
1	CT172E	Toán rời rạc	4	4		60			
2	TC100	Giáo dục thể chất 2 (*)	1		1		30		
3	TN001	Vi – Tích phân A1	3	3		45			
4	CT177	Cấu trúc dữ liệu	3	3		30	30	CT101	
5	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3		3	45			
	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45			
Cộng			**14**	**10**	**4**				
Học kỳ 4									
1	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30		ML014	
2	TC100	Giáo dục thể chất 3 (*)	1		1		30		
3	CT176	Lập trình hướng đối tượng	3	3		30	30	CT101	
4	TN002	Vi – Tích phân A2	4	4		60		TN001	
5	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3		3	45			
	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3			45			
Cộng			**13**	**9**	**4**				
Học kỳ 5									
1	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016	
2	CT173	Kiến trúc máy tính	3	3		45			
3	CT175	Lý thuyết đồ thị	3	3		30	30	CT177	
4	TN012	Đại số tuyến tính & Hình học	4	4		60			
Cộng			**12**	**12**	**0**				

Học kỳ 6									
1	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018	
2	CT190E	Nhập môn trí tuệ nhân tạo	2	2		20	20		
3	CT188	Nhập môn lập trình Web	3	3		30	30		
4	CT178	Nguyên lý hệ điều hành	3	3		30	30	CT173	
5	CT180	Cơ sở dữ liệu	3	3		30	30	CT177	
Cộng			**13**	**13**	**0**				
Học kỳ 7									
1	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019	
2	KL010E	Pháp luật đại cương và quyền con người	2	2		30			
3	CT428	Lập trình Web	3	3		30	30	CT180 CT188	
4	CT174	Phân tích và thiết kế thuật toán	3	3		30	30	CT177	
5	CT112	Mạng máy tính	3	3		30	30	CT178	
Cộng			**13**	**13**	**0**				
Học kỳ 8									
1	CT226E	Niên luận cơ sở mạng máy tính và truyền thông	3	3			90	≥ 90TC	
2	CT296	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	3	3		30	30	CT180	
3	CT335	Thiết kế và cài đặt mạng	3	3		30	30	CT112	
4	CT182	Ngôn ngữ mô hình hóa	3	3		30	30	CT176	
5	ML007	Logic học đại cương	2		2	30			
	XH028	Xã hội học đại cương	2			30			
	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30			
	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30			
	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30			
	KN001E	Kỹ năng mềm	2			20	20		
	KN002E	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20		
Cộng			**14**	**12**	**2**				
Học kỳ 9									
1	CT221	Lập trình mạng	3	3		30	30	CT112 CT176	
2	CT211	An ninh mạng	3	3		30	30	CT112	
3	CT126	Lý thuyết xếp hàng	2		6	30			
	CT127	Lý thuyết thông tin	2			30			
	CT479	Phương pháp tính	3			30	30		
	CT121	Tin học lý thuyết	3			30	30	CT101	
	CT224E	Công nghệ J2EE	2			15	30	CT176	
	CT225	Lập trình Python	2			20	20		
	CT274	Lập trình cho thiết bị di động	3			30	30	CT176	
Cộng			**12**	**6**	**6**				
Học kỳ 10									
1	TN010	Xác suất thống kê	3	3		45			
2	CT227	Kỹ thuật phát hiện tấn công mạng	3	N1	**9TC** N1 hoặc **9TCN2**	30	30		
	CT228	Tường lửa	3			30	30	CT335	
	CT490	An ninh Web	3			30	30	CT428	
	CT222	An toàn hệ thống	3			30	30		
	CT344	Giải quyết sự cố mạng	2			30		CT335	
	CT232E	Đánh giá hiệu năng mạng	3			30	30	CT112	
3	CT207E	Phát triển phần mềm mã nguồn mở	3	N2		30	30		
	CT230	Phát triển ứng dụng hướng dịch vụ	3			30	30	CT428	
	CT231	Lập trình song song	3			30	30		

	CT098	Phát triển ứng dụng IoT	3			30	30		
	CT482	Xử lý dữ liệu lớn	3			30	30	CT176	
Cộng			**12**	**3**	**9**				
Học kỳ 11									
1	CT439E	Niên luận Mạng máy tính và truyền thông	3	3			90	≥110TC	
2	CT179	Quản trị hệ thống	3	3		30	30		
3	CT212	Quản trị mạng	3	3		30	30	CT112	
4	CT233	Điện toán đám mây	3	3		30	30		
Cộng			**12**	**12**	**0**				
Học kỳ 12									
1	CT555E	Luận văn tốt nghiệp – TT&MMT	15				450	≥125TC	
2	CT507E	Tiểu luận tốt nghiệp – TT&MMT	6				180	≥125TC	
3	CT338	Mạng không dây và di động	2			30		CT112	
4	CT223	Quản lý dự án phần mềm	3			30	30		
5	CT235	Quản trị mạng trên MS Windows	3			30	30	CT112	
6	CT205	Quản trị cơ sở dữ liệu	3			30	30	CT180	
7	CT297	Pháp y máy tính	3			30	30		
8	CT251	Phát triển ứng dụng trên Windows	3		**15**	30	30	CT180 CT176	
9	CT206	Phát triển ứng dụng trên Linux	3			30	30	CT180 CT176	
10	CT238E	Phân lớp dữ liệu lớn	3			30	30		
11	CT332	Trí tuệ nhân tạo	3			30	30		
12	CT294	Máy học ứng dụng	3			30	30		
13	CT273	Giao diện người - máy	3			30	30		
Cộng			**15**	**0**	**15**				
Học kỳ 13									
1	CT517E	Thực tập doanh nghiệp - MMT&TTDL	5	5			150	≥125TC CT428 CT296 CT112	
Cộng			**5**	**5**	**0**				
TỔNG CỘNG: 161 TC (Bắt buộc: 116TC**;** Tự chọn: 45TC)			**161**	**116**	**45**				

Đơn vị quản lý: Khoa Mạng máy tính và Truyền thông, Trường CNTT-TT.

Cần Thơ, ngày 23 tháng 06 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CNTT-TT

Nguyễn Hữu Hòa

TRƯỞNG KHOA MMT-TT

Phan Thượng Cang